

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	12 - 54



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thương mại - Đầu tư - Tổng hợp Hóc Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB, ngày 14 tháng 11 năm 2001, của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh về việc chuyển Công ty Thương mại - Đầu tư - Tổng hợp Hóc Môn thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0302481483 thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 3 năm 2017 về tăng vốn điều lệ từ 105.000.000.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HNX.

Mã chứng khoán : HTC.

Vốn điều lệ : 110.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại : + 84-(28) 38915294 – 3891 3942

Fax : + 84-(28) 38910457

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ; Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà; Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ; Vận tải xăng dầu đường bộ; Karaoke; Giết mổ gia súc; Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki ốt. Kinh doanh bất động sản.



4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Văn Mỹ	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Chủ tịch		
Ông Tô Văn Liêm	Thành viên		
Ông Kiều Công Tâm	Thành viên		
Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên		
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên		
Ông Nguyễn Danh Hùng	Thành viên		

4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Văn Tèo	Trưởng ban		
Ông Trần Công Tâm	Thành viên		
Bà Lại Thị Thanh Phương	Thành viên		

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>hiệm</i>
Ông Lê Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tô Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kiều Công Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Kế toán trưởng	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn My – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ trang 08 đến trang 54.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Số: 2322/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỌC MÔN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cổ phần Thương mại Học Môn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Phạm vi của Báo cáo tài chính riêng này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn với các công ty con không thuộc phạm vi của báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.316.699.791	146.433.293.308
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.839.801.619	6.026.491.096
111	1. Tiền		2.839.801.619	6.026.491.096
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		101.491.633.579	116.740.058.919
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2a	7.286.300.433	5.350.785.919
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	V.2a	(2.073.666.854)	(689.727.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	96.279.000.000	112.079.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.554.451.567	17.684.942.415
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	6.016.964.617	4.326.392.919
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.596.480.360	7.036.974.233
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	7.969.106.590	6.349.675.263
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6a	(28.100.000)	(28.100.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	8.638.081.079	3.992.728.246
141	1. Hàng tồn kho		8.683.132.508	4.037.779.675
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(45.051.429)	(45.051.429)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.792.731.947	1.989.072.632
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	493.773.425	411.557.074
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	1.298.958.522	1.577.515.558
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		339.809.256.098	302.450.332.641
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.993.890.524	15.182.990.524
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	496.808.182	685.908.182
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	14.497.082.342	14.497.082.342
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		24.486.174.504	20.192.262.652
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	10.719.640.590	6.265.217.824
222	- Nguyên giá		29.447.460.806	26.231.497.821
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.727.820.216)	(19.966.279.997)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	13.766.533.914	13.927.044.828
228	- Nguyên giá		16.210.028.034	16.210.028.034
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.443.494.120)	(2.282.983.206)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	28.656.662.409	29.268.079.203
231	- Nguyên giá		62.878.653.101	62.878.653.101
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.221.990.692)	(33.610.573.898)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		199.418.899.130	175.180.956.534
241	1 Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.12	199.403.899.130	172.950.976.468
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	15.000.000	2.229.980.066
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		62.022.616.438	52.487.814.208
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.2c	12.000.000.000	12.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2c	52.500.040.000	42.000.030.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	878.238.342	878.238.342
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.2c	(3.355.661.904)	(2.390.454.134)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.231.013.093	10.138.229.520
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	10.231.013.093	10.138.229.520
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		475.125.955.889	448.883.625.949

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỘC MÔN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		247.541.339.655	225.121.577.726
310	I. Nợ ngắn hạn		113.743.560.993	120.807.698.852
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	11.202.918.160	6.910.405.990
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	68.571.050	2.870.531.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	28.249.733.163	604.749.245
314	4. Phải trả người lao động	V.17	1.642.159.794	940.903.544
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	73.391.642	303.744.955
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19a	184.181.817	142.799.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	5.160.907.803	5.125.848.603
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21	63.345.640.000	99.011.067.863
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	3.816.057.564	4.897.647.603
330	II. Nợ dài hạn		133.797.778.662	104.313.878.874
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19b	102.108.251.829	102.516.911.041
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.20b	31.689.526.833	1.796.967.833
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		227.584.616.234	223.762.048.223
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	215.074.118.864	211.251.550.853
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		110.000.000.000	110.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	110.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		87.904.401.923	74.617.910.574
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.169.716.941	26.633.640.279
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.002.884.044	1.002.884.044
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.166.832.897	25.630.756.235
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		12.510.497.370	12.510.497.370
433	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.24	12.510.497.370	12.510.497.370
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		475.125.955.889	448.883.625.949

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC



LÊ VĂN MỸ

TP. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2018.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2018	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2017
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.116.914.574.733	1.041.753.358.247
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	1.720.278	2.832.167
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.116.912.854.455	1.041.750.526.080
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.092.450.241.773	1.016.184.316.461
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.462.612.682	25.566.209.619
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	14.044.082.269	13.139.417.974
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	4.662.809.768	1.053.827.660
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.729.191.158	625.457.297
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	7.338.795.578	7.779.244.068
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	8.707.250.045	9.601.286.501
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.797.839.560	20.271.269.364
31	11. Thu nhập khác		2.248.970	722.488.261
32	12. Chi phí khác	VI.8	98.028.184	-
40	13. Lợi nhuận khác		(95.779.214)	722.488.261
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.702.060.346	20.993.757.625
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	1.535.227.449	2.685.898.959
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.166.832.897	18.307.858.666

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Tp. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN MỸ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2018	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2017
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.221.606.991.944	1.147.403.621.049
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(1.207.729.284.643)	(1.237.060.264.779)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.420.503.525)	(11.116.566.856)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.789.488.221)	(549.516.804)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(349.957.261)	(3.062.493.057)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		70.642.216.468	37.896.767.014
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.408.534.066)	(13.139.957.959)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.551.440.696	(79.628.411.392)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.885.786.413)	(170.245.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		36.363.636	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	V.2b	(48.000.000.000)	(45.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2b	63.800.000.000	44.800.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	(10.500.010.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.176.730.467	4.520.548.388
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.627.297.690	4.050.302.933
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	619.977.684.327	380.168.112.860
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(655.643.112.190)	(316.409.898.337)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.700.000.000)	(7.223.658.261)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.365.427.863)	56.534.556.262
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(3.186.689.477)	(19.043.552.197)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.026.491.096	22.576.703.997
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	2.839.801.619	3.533.151.800

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



PHAN THỊ HỒNG PHÚC



LÊ VĂN MỸ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;
- Karaoke;
- Giết mổ gia súc;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty**Công ty con.**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Gông ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Quản lý chợ và cho thuê kiot,..	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Số 179 Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh	Giết mổ gia súc,..	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Cửa hàng xăng dầu Số 01	7A1 QL22, ấp 2, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
2.	Cửa hàng xăng dầu Số 02 Đông Thạnh	3/35H Đặng Thúc Vịnh, ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
3.	Cửa hàng xăng dầu Số 03	19 Lê Lợi, khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
4.	Cửa hàng xăng dầu Thị Trấn	88 Bà Triệu, khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
5.	Cửa hàng xăng dầu Trung Mỹ Tây	2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
6.	Cửa hàng xăng dầu Tân Xuân	1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
7.	Cửa hàng xăng dầu Tân Chánh Hiệp	2/7 A, Đường Tô Ký, Khu phố 2, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
8.	Cửa hàng xăng dầu Thới Tam Thôn	30/4 Tô Ký, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
9.	Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn	30F QL 22, ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.HCM

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỌC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Học Môn, huyện Học Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
10.	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 1	66/7D Quốc lộ 22, ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Học Môn, Tp.HCM
11.	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 2	14/1B Phan Văn Hón, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Học Môn, Tp.HCM
12.	Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	11/6A Đường Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Học Môn, Tp.HCM
13.	Cửa hàng xăng dầu Số 03 Đông Thạnh	Số 656 Lê Văn Khương, ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Học Môn, Tp.HCM
14.	Cửa hàng ăn uống Hương Cau	Số 3/27 Quốc lộ 22, Thị Trấn Học Môn, huyện Học Môn, TP.HCM
15.	Cửa hàng An Khang	Số 2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Học Môn, Tp.HCM
16.	Cửa hàng xe máy Bình Minh	126/11 Trường Chinh, Lạc Quang, Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 128 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 128 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỐC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20-50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà lồng chợ	25 năm
Chi phí san lấp mặt bằng	50 năm
Chi phí đền bù	20 năm

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Quỹ lương

Quỹ lương được trích trên cơ sở theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018. Theo Nghị quyết này, tổng quỹ tiền lương trong năm tài chính của công ty được xác định theo công thức: (tổng thu-tổng chi chưa lương) x 50% (năm 2017 tỷ lệ là 50%)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng xăng, dầu,...

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Bất động sản đầu tư, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay,.... Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Doanh nghiệp.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	1.872.680.061	4.157.756.159
1.2	Tiền gửi ngân hàng	967.121.558	1.868.734.937
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	2.839.801.619	6.026.491.096

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán không bị phong tỏa để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	7.286.300.433	5.212.633.579	2.073.666.854	5.350.785.919	4.661.058.919	689.727.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (Mã: OIL)	2.371.148.700	1.897.463.700	473.685.000	-	-	-
- Công ty CP TM và DV Tiến Thành (Mã: TTH)	1.199.547.620	959.093.620	240.454.000	952.235.520	825.020.520	127.215.000
- Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF (Mã: KLF)	1.198.795.500	599.995.500	598.800.000	1.027.539.000	816.099.000	211.440.000
- Tổng Công ty Phân bón Hoá chất Dầu khí (Mã: DPM)	503.784.500	344.004.500	159.780.000	503.784.500	430.004.500	73.780.000
- Cổ phiếu các Công ty khác	2.013.024.113	1.412.076.259	600.947.854	2.867.226.899	2.589.934.899	277.292.000
Cộng	7.286.300.433	5.212.633.579	2.073.666.854	5.350.785.919	4.661.058.919	689.727.000

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (mã OIL)
 - + Mua 127.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.618.576.700 đồng.

Cơ sở giá trị hợp lý:

- + Đối với cổ phiếu được niêm yết trên sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE): được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2018;
- + Đối với cổ phiếu được niêm yết trên sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX): được đánh giá theo giá bình quân tại ngày 30 tháng 6 năm 2018;
- + Đối với cổ phiếu các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom): được đánh giá theo giá bình quân tại ngày 30 tháng 6 năm 2018;

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>
Số đầu năm	(689.727.000)	(478.660.800)
Trích lập dự phòng	(1.383.939.854)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	11.831.200
Số cuối kỳ	(2.073.666.854)	(466.829.600)

Không có khoản chứng khoán kinh doanh được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

2b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	96.279.000.000	96.279.000.000	112.079.000.000	112.079.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	96.279.000.000	96.279.000.000	112.079.000.000	112.079.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cộng	96.279.000.000	96.279.000.000	112.079.000.000	112.079.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh (xem thuyết minh số V.21).

2c Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn⁽¹⁾</i>	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	52.500.040.000	49.944.378.096	(2.555.661.904)	42.000.030.000	40.409.575.866	(1.590.454.134)
<i>Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn⁽²⁾</i>	52.500.040.000	49.944.378.096	(2.555.661.904)	42.000.030.000	40.409.575.866	(1.590.454.134)
Đầu tư vào đơn vị khác	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khai⁽³⁾</i>	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)
Cộng	65.378.278.342	62.022.616.438	(3.355.661.904)	54.878.268.342	52.487.814.208	(2.390.454.134)

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4104000073 thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty với số tiền 12.000.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.000.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn điều lệ). Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, giá trị hợp lý công ty lấy theo giá gốc của khoản đầu tư.

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312789319 thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 01 năm 2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư với số tiền 52.500.040.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 42.000.030.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ). Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

⁽³⁾ Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải với số tiền 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ (số đầu năm là 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ). Công ty đang làm thủ tục giải thể theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải số: 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-BTĐK ngày 03 tháng 01 năm 2014. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Công ty đã đóng mã số thuế ngày 11 tháng 6 năm 2018.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn đã đưa nhà máy giết mổ gia súc vào vận hành và bắt đầu có doanh thu từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>
Số đầu năm	(2.390.454.134)	(1.457.371.102)
Trích lập dự phòng	(965.207.770)	(401.778.987)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(3.355.661.904)</u>	<u>(1.859.150.089)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau

	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu môi Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – Công ty con		
Cung cấp dịch vụ		
Doanh thu	739.166.259	733.935.058
Giá vốn	6.042.882	3.848.000
Lợi nhuận công ty con chuyển về công ty mẹ		
Phải thu lợi nhuận	10.337.934.998	7.762.349.336
Đã thu lợi nhuận	(10.118.137.205)	(3.092.356.834)
Hoạt động cho thuê ô vựa		
Phải thu	4.179.960.348	3.632.856.580
Đã thu	(4.384.871.517)	(3.993.446.734)
Cho thuê bãi giữ xe		
Phải thu	771.000.000	771.000.000
Đã thu	(771.000.000)	(771.000.000)
Lãi trả chậm		
Phải thu	28.328.124	-
Đã thu	(29.417.082)	-
Giao dịch khác		
Cán trừ nợ phải trả với lợi nhuận Công ty chợ phải chuyển về	-	4.395.792.935

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn**Bán hàng hoá**

Phải thu	223.480.000	-
Đã thu	(223.480.000)	-

Không có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng**3a Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	515.629.828	37.400.000
Các khách hàng của khu pha lóc, chợ thịt, kho mát, kios (Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – Công ty con)	515.629.828	37.400.000
Phải thu các khách hàng khác	5.501.334.789	4.288.992.919
Các khách hàng của khối văn phòng Công ty	4.062.389.400	3.266.249.400
- Công ty CP Transimex	1.305.920.000	1.109.600.000
- DNTN Nguyễn Thị Du	1.095.359.400	248.159.400
- Các khách hàng của khối VPCT khác	1.661.110.000	1.908.490.000
Các khách hàng của cửa hàng xăng dầu bán lẻ	671.106.790	960.566.520
Các khách hàng khác	767.838.599	62.176.999
Cộng	6.016.964.617	4.326.392.919

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công ty không có Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

3b Phải thu dài hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	496.808.182	685.908.182
Các khách hàng của khu chợ thịt (Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – Công ty con)	496.808.182	685.908.182
Phải thu các khách hàng khác	-	-
Cộng	496.808.182	685.908.182

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công ty không có Các khoản phải thu dài hạn khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	6.596.480.360	7.036.974.233
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng An Phước Thịnh	6.139.656.800	6.139.656.800
Các nhà cung cấp khác	456.823.560	897.317.433
Cộng	6.596.480.360	7.036.974.233

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.628.242.797	-	4.656.528.014	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.929.457.900	-	3.709.660.107	-
- Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – công ty con	3.929.457.900	-	3.709.660.107	-
Thu hộ cho thuê ô vữa	698.784.897	-	941.106.241	-
- Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – công ty con	694.112.189	-	941.106.241	-
Lãi trả chậm	4.672.708	-	5.761.666	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.340.863.793	(28.100.000)	1.693.147.249	(28.100.000)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.807.521.123	-	1.370.963.528	-
Ký cược, ký quỹ	102.000.000	-	102.000.000	-
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM ^(*)	90.000.000	-	90.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Công ích Hóc Môn	12.000.000	-	12.000.000	-
- Phòng Quản lý Đô thị Hóc Môn ^(*)	2.222.836	-	-	-
Các khoản phải thu khác	429.119.834	(28.100.000)	220.183.721	(28.100.000)
Cộng	7.969.106.590	(28.100.000)	6.349.675.263	(28.100.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

^(*)Các khoản ký quỹ của Dự án Tân Hiệp 2

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỐC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.497.082.342	-	14.497.082.342	-
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM (*)	14.497.082.342	-	14.497.082.342	-
Cộng	14.497.082.342	-	14.497.082.342	-

(*) Đây là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	28.100.000	-	28.100.000	-
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	28.100.000	-	28.100.000	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	28.100.000	-	28.100.000	-
- Trạm thu mua heo	22.000.000	-	22.000.000	-
- Võ Văn Tường	6.100.000	-	6.100.000	-
Cộng	28.100.000	-	28.100.000	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay...ngắn hạn khó đòi như sau:

	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Số đầu năm	28.100.000	28.100.000
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	28.100.000	28.100.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỐC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa (*)	8.683.132.508	(45.051.429)	4.037.779.675	(45.051.429)
Cộng	8.683.132.508	(45.051.429)	4.037.779.675	(45.051.429)

(*) Chủ yếu là xăng, dầu và nhớt các loại còn tồn kho.

Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Số đầu năm	(45.051.429)	(45.051.429)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(45.051.429)	(45.051.429)

8. Chi phí trả trước**8a Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	316.015.969	201.610.807
Chi phí bảo hiểm	89.314.437	102.804.354
Thuê mặt bằng	50.000.000	-
Chi phí khác	38.443.019	107.141.913
Cộng	493.773.425	411.557.074

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Số đầu năm	411.557.074	304.366.500
Tăng trong kỳ	619.483.199	809.064.406
Phân bổ trong kỳ	(537.266.848)	(580.265.095)
Số cuối kỳ	493.773.425	533.165.811

8b Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa (*)	5.146.432.525	4.893.949.836
Phí thuê đất trạm cung cấp nước sạch (**)	4.583.069.902	4.631.653.684
Thuê mặt bằng cửa hàng xăng dầu số 3 Đông Thạnh	498.800.000	610.160.000
Phí khác	2.710.666	2.466.000
Cộng	10.231.013.093	10.138.229.520

(*) Là chi phí sửa chữa Chợ Đầu mỗi nông sản Hóc Môn.

(**) Thời gian phân bổ là năm mươi (50) năm được quy định tại Văn bản thỏa thuận ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Số đầu năm	10.138.229.520	7.653.258.206
Tăng trong kỳ	1.546.407.759	1.902.834.750
Phân bổ trong kỳ	(1.453.624.186)	(784.772.601)
Số cuối kỳ	10.231.013.093	8.771.320.355

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	15.925.399.498	8.200.918.569	1.975.104.358	130.075.396	26.231.497.821
2. Tăng trong kỳ	2.422.363.918	3.095.830.477	-	-	5.518.194.395
Mua trong kỳ	-	3.095.830.477	-	-	3.095.830.477
Đầu tư xây dựng hoàn thành	2.422.363.918	-	-	-	2.422.363.918
3. Giảm trong kỳ	-	(2.302.231.410)			(2.302.231.410)
Thanh lý nhượng bán	-	(2.302.231.410)	-	-	(2.302.231.410)
4. Số cuối kỳ	18.347.763.416	8.994.517.636	1.975.104.358	130.075.396	29.447.460.806
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.487.996.662	2.370.952.612	1.975.104.358	40.081.760	8.874.135.392
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	10.650.177.137	7.263.148.428	1.975.104.358	77.850.074	19.966.279.997
2. Tăng trong kỳ	570.721.711	347.160.406	-	11.592.702	929.474.819
Khấu hao trong kỳ	570.721.711	347.160.406	-	11.592.702	929.474.819
3. Giảm trong kỳ	-	(2.167.934.600)	-	-	(2.167.934.600)
Thanh lý nhượng bán	-	(2.167.934.600)	-	-	(2.167.934.600)
4. Số cuối kỳ	11.220.898.848	5.442.374.234	1.975.104.358	89.442.776	18.727.820.216
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5.275.222.361	937.770.141	-	52.225.322	6.265.217.824
2. Tại ngày cuối kỳ	7.126.864.568	3.552.143.402	-	40.632.620	10.719.640.590
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Công ty không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	16.210.028.034	16.210.028.034
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	16.210.028.034	16.210.028.034
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	2.282.983.206	2.282.983.206
2. Tăng trong kỳ	160.510.914	160.510.914
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	160.510.914	160.510.914
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.443.494.120	2.443.494.120
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	13.927.044.828	13.927.044.828
2. Tại ngày cuối kỳ	13.766.533.914	13.766.533.914
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

Trong đó:

- Công ty không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

(*) Các Quyền sử dụng đất như sau:

Mặt bằng 1/6 Quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 380037 cấp ngày 12 tháng 6 năm 2012 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng đến ngày 04 tháng 7 năm 2061

Mặt bằng sau nhà hàng Hương Cau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 180303 cấp ngày 11 tháng 10 năm 2002 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp, thời hạn sử dụng 20 năm.

Mặt bằng 1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 380199 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng lâu dài.

Mặt bằng số 88 Bà Triệu, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 474755 cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng đến ngày 24 tháng 4 năm 2064.

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

Chỉ tiêu	Nhà lồng chợ thịt	Nhà lồng chợ rau	Kho mát	Cơ sở hạ tầng	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	7.512.905.862	13.161.237.343	2.109.255.380	40.095.254.516	62.878.653.101
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	7.512.905.862	13.161.237.343	2.109.255.380	40.095.254.516	62.878.653.101
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.109.255.380	488.023.401	2.597.278.781
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	3.055.248.396	7.150.938.950	2.109.255.380	21.295.131.172	33.610.573.898
2. Tăng trong kỳ	150.258.120	263.224.746	-	197.933.928	611.416.794
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	150.258.120	263.224.746	-	197.933.928	611.416.794
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	3.205.506.516	7.414.163.696	2.109.255.380	21.493.065.100	34.221.990.692
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.457.657.466	6.010.298.393	-	18.800.123.344	29.268.079.203
2. Tại ngày cuối kỳ	4.307.399.346	5.747.073.647	-	18.602.189.416	28.656.662.409

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Dự án Chợ Đầu mối Nông sản Hóc môn đã được quyết toán theo Quyết định số 4942/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2014 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không có bất động sản đầu tư đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khu dân cư 05 ha (*)	179.124.755.902	179.124.755.902	152.706.312.902	152.706.312.902
Dự án Trung tâm Thương mại (**)	18.181.818.182	18.181.818.182	18.181.818.182	18.181.818.182
Dự án Khu dân cư Tân Xuân	2.097.325.046	2.097.325.046	2.062.845.384	2.062.845.384
Cộng	199.403.899.130	199.403.899.130	172.950.976.468	172.950.976.468

(*) Theo Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận Công ty làm chủ đầu tư của dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM thì Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn được công nhận làm chủ đầu tư dự án Khu nhà ở với diện tích là 42.944,9 m² tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn;

(**) Là chi phí mua tầng 4 tại Trung tâm Thương mại Hóc Môn theo hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.055.820.521	1.173.100.865	(2.735.830.477)	-
Hệ thống máy lạnh khu chợ thịt	2.055.820.521	680.009.956	(2.735.830.477)	-
Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	-	493.090.909	(493.090.909)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	174.159.545	2.130.113.464	(2.289.273.009)	15.000.000
Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	174.159.545	2.115.113.464	(2.289.273.009)	-
Xây dựng trụ sở Công ty CP TM Hóc Môn	-	15.000.000	-	15.000.000
Cộng	2.229.980.066	3.303.214.329	(5.518.194.395)	15.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không thể chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang để đảm bảo cho các khoản vay.

175-C
TY
HỮU H
À TỰ V
VIỆ
IỐ C

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	11.202.918.160	6.910.405.990
Công ty Cp Tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Huy Long	4.072.310.000	601.630.000
Công ty TNHH Đại Trung Hạnh	994.266.381	-
Các nhà cung cấp khác	1.136.341.779	1.308.775.990
Cộng	11.202.918.160	6.910.405.990

Công ty không có số nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	68.571.050	2.870.531.050
Các khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	30.888.700	2.842.488.700
Các khách hàng khác	37.682.350	28.042.350
Cộng	68.571.050	2.870.531.050

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	503.669.693	1.268.183.499	(968.952.101)	-	802.901.091
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	398.597	1.720.278	(1.720.278)	-	398.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.577.515.558	-	1.535.227.449	(349.957.261)	1.298.958.522	906.713.152
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>278.557.036</i>	<i>-</i>	<i>1.535.227.449</i>	<i>(349.957.261)</i>	<i>-</i>	<i>906.713.152</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>1.298.958.522</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.298.958.522</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập cá nhân	-	100.680.955	603.452.910	(647.233.662)	-	56.900.203
Tiền sử dụng đất	-	-	26.214.593.000	-	-	26.214.593.000
Thuế nhà đất	-	-	69.689.203	(69.689.203)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	370.841.087	(102.613.967)	-	268.227.120
Các loại thuế khác	-	-	19.987.121	(19.987.121)	-	-
Cộng	1.577.515.558	604.749.245	30.083.694.547	(2.160.153.593)	1.298.958.522	28.249.733.163

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh karaoke với thuế suất 30%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo qui định tại hợp đồng thuê.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Tiền sử dụng đất

Đây là khoản tiền sử dụng đất Công ty phải nộp theo thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10784/TB-CT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải nộp bổ sung tiền sử dụng đất của lô đất theo bản đồ hiện trạng vị trí thuộc tờ bản đồ số: 29, 30 – Bộ địa chính xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, (diện tích: 42.944,9 m²) với số tiền 26.214.593.000 đồng. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo này, Công ty phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp. Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, Công ty phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018. Theo Nghị quyết này, tổng quỹ tiền lương trong năm tài chính của công ty được xác định theo công thức: (tổng thu-tổng chi chưa lương) x 50% (năm 2016 tỷ lệ là 50%).

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	1.642.159.794	940.903.544
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	1.642.159.794	940.903.544

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Toàn bộ là chi phí lãi vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

19. Doanh thu chưa thực hiện**19a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	184.181.817	142.799.999
Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	184.181.817	142.799.999
Kho mát	91.300.000	91.300.000
Khu pha lọc	40.927.272	32.727.272
Chợ thịt	14.000.000	14.000.000
Hầm đất	1.590.909	4.772.727
Xe máy	36.363.636	-
Cộng	184.181.817	142.799.999

19b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	102.108.251.829	102.516.911.041
Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	102.108.251.829	102.516.911.041
Chợ rau	57.152.850.818	57.953.897.018
Chợ thịt	29.799.968.235	30.176.785.401
Kios	13.332.590.136	12.544.096.642
Cần tìm	1.822.842.640	1.842.131.980
Cộng	102.108.251.829	102.516.911.041

19c. Hợp đồng có khả năng không thực hiện được

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.143.543.641	5.125.848.603
Phải trả khác	4.143.543.641	4.143.543.641
<i>Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – Công ty con</i>	<i>4.143.543.641</i>	<i>4.143.543.641</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.017.364.162	982.304.962
Tài sản thừa chờ giải quyết	56.117.999	56.117.999
Kinh phí công đoàn	15.218.052	15.218.052
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	946.028.111	910.968.911
Cộng	5.160.907.803	5.125.848.603

20b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	31.689.526.833	1.796.967.833
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.440.000.000	1.540.000.000
Đăng ký quyền mua sản phẩm tại dự án Xuân Thới Đông	29.937.911.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	311.615.833	256.967.833
Cộng	31.689.526.833	1.796.967.833

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	63.345.640.000	63.345.640.000	99.011.067.863	99.011.067.863
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn⁽¹⁾</i>	<i>63.345.640.000</i>	<i>63.345.640.000</i>	<i>99.011.067.863</i>	<i>99.011.067.863</i>
Cộng	63.345.640.000	63.345.640.000	99.011.067.863	99.011.067.863

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Hợp đồng số 02/2017/7621334/HĐTĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017.

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng
- Số tiền vay phải trả đến 30/6/2018: 63.345.640.000 đồng
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: 5,6%/năm
- Thời hạn vay 12 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Cầm cố hợp đồng tiền gửi kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	99.011.067.863	619.977.684.327	(655.643.112.190)	63.345.640.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn	99.011.067.863	619.977.684.327	(655.643.112.190)	63.345.640.000
Cộng	99.011.067.863	619.977.684.327	(655.643.112.190)	63.345.640.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác ^(*)	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.121.765.258	1.556.537.812	10.000.000	(3.068.693.750)	1.619.609.320
Quỹ phúc lợi	158.681.572	1.556.537.812	-	(2.069.894.600)	(354.675.216)
Quỹ thưởng BĐH	(98.000.000)	597.266.575	-	(597.266.575)	(98.000.000)
Quỹ hoạt động HDQT	1.715.200.773	933.922.687	-	-	2.649.123.460
Cộng	4.897.647.603	4.644.264.886	10.000.000	(5.735.854.925)	3.816.057.564

^(*) Tổng Công ty Bến Thành khen thưởng

23. Vốn chủ sở hữu

23a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	105.000.000.000	30.139.739.301	63.001.243.160	198.140.982.461
Tăng trong năm trước	5.000.000.000	44.478.171.273	31.130.756.235	80.608.927.508
Giảm trong năm trước	-	-	(67.498.359.116)	(67.498.359.116)
Số dư cuối kỳ trước/Đầu năm nay	110.000.000.000	74.617.910.574	26.633.640.279	211.251.550.853
Tăng trong kỳ này	-	13.286.491.349	16.166.832.897	29.453.324.246
Giảm trong kỳ này	-	-	(25.630.756.235)	(25.630.756.235)
Số dư cuối kỳ	110.000.000.000	87.904.401.923	17.169.716.941	215.074.118.864

23b Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ đông nhà nước	23,86%	26.243.000.000	26.243.000.000
Cổ đông khác	76,14%	83.757.000.000	83.757.000.000
Cộng	100%	110.000.000.000	110.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Điều lệ Công ty		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	26.243.000.000	23,86	26.243.000.000	-
Cổ đông khác	83.757.000.000	76,14	83.757.000.000	-
Cộng	110.000.000.000	100,00	110.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỌC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Học Môn, huyện Học Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	110.000.000.000	105.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	5.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.700.000.000	7.425.000.000

23d Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

23e Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức năm nay được chia theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 35/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018.

	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	7.700.000.000	7.425.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	7.700.000.000	7.425.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23f Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

Quỹ khen thưởng

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Quỹ phúc lợi

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

23g Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm		26.633.640.279
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2018		16.166.832.897
Phân phối trong kỳ:		(25.630.756.235)
- <i>Quỹ khen thưởng</i>	1.556.537.812	
- <i>Quỹ phúc lợi</i>	1.556.537.812	
- <i>Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị</i>	933.922.687	
- <i>Quỹ thưởng Ban điều hành</i>	597.266.575	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	13.286.491.349	
- <i>Chia cổ tức cho các cổ đông</i>	7.700.000.000	
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		17.169.716.941

Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số Nghị Quyết HĐQT 40/2018/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2018.

24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Số đầu năm	12.510.497.370	12.510.497.370
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Hao mòn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	12.510.497.370	12.510.497.370

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

- Số đầu năm	70.946.464	70.946.464
- Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-	-
- Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	70.946.464	70.946.464
Chi tiết gồm:		
- Trần Văn Ri	66.058.436	66.058.436
- Chi phí ủy thác xuất khẩu	1.360.278	1.360.278
- Các khách hàng khác	3.527.750	3.527.750
Cộng	70.946.464	70.946.464

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa	1.109.060.803.552	1.032.847.433.043
+ <i>Xăng dầu, nhớt các loại</i>	<i>1.109.060.803.552</i>	<i>1.032.847.433.043</i>
Doanh thu bán thành phẩm	-	1.185.753.364
+ <i>Bán nền dự án khu dân cư</i>	<i>-</i>	<i>1.185.753.364</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.187.248.615	6.099.625.642
+ <i>Cho thuê mặt bằng</i>	<i>4.723.455.894</i>	<i>4.472.882.003</i>
+ <i>Hàng ăn uống</i>	<i>1.463.792.721</i>	<i>1.626.743.639</i>
Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư	1.666.522.566	1.620.546.198
+ <i>Chợ rau</i>	<i>801.046.200</i>	<i>801.046.200</i>
+ <i>Chợ thịt</i>	<i>865.476.366</i>	<i>819.499.998</i>
Cộng	1.116.914.574.733	1.041.753.358.247

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỌC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Học Môn, huyện Học Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.720.278	2.832.167
Cộng	1.720.278	2.832.167

3. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Giá vốn bán hàng	1.091.145.975.954	1.014.568.775.347
+ Xăng dầu, nhớt các loại	1.090.302.283.397	1.013.910.862.439
+ Hao hụt mất mát hàng tồn kho	843.692.557	657.912.908
- Giá vốn bán thành phẩm	-	173.077.488
+ Bán nền dự án khu dân cư	-	173.077.488
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	686.806.143	700.696.620
+ Hàng ăn uống	686.806.143	700.696.620
- Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư	617.459.676	741.767.006
Cộng	1.092.450.241.773	1.016.184.316.461

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.412.893.122	7.842.349.336
- Lãi tiền gửi ngân hàng	3.449.520.857	4.658.569.135
- Lãi kinh doanh chứng khoán	181.668.290	638.499.503
Cộng	14.044.082.269	13.139.417.974



5. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.761.057.004	749.135.587
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(411.909.380)	(359.187.800)
- Lãi vay	1.729.191.158	625.457.297
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	584.470.986	38.422.576
Cộng	4.662.809.768	1.053.827.660

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Chi phí cho nhân viên	4.434.264.354	4.950.559.402
Chi phí vật liệu, bao bì	24.825.755	23.783.709
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	112.972.564	118.180.300
Chi phí khấu hao TSCĐ	922.141.938	956.172.082
Chi phí mua ngoài	1.751.630.213	1.648.890.858
Chi phí khác bằng tiền	92.960.754	81.657.717
Cộng	7.338.795.578	7.779.244.068

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân viên	4.444.788.153	3.704.609.114
Chi phí vật liệu quản lý	91.180.629	50.012.910
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.495.130	79.218.318
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.843.795	187.897.166
Thuế, phí, lệ phí	458.666.928	2.655.999.643
Chi phí mua ngoài	1.914.960.319	1.729.360.735
Chi phí khác bằng tiền	1.533.315.091	1.194.188.615
Cộng	8.707.250.045	9.601.286.501

8. Chi phí khác

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	97.933.174	-
Các khoản khác	95.010	-
Cộng	98.028.184	-

9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tạm tính như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.702.060.346	20.993.757.625
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(10.025.923.100)	(7.564.262.836)
Các khoản điều chỉnh tăng	358.641.898	278.086.500
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.384.564.998)	(7.842.349.336)
Thu nhập chịu thuế	7.676.137.246	13.429.494.789
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	7.676.137.246	13.429.494.789
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.535.227.449	2.685.898.959

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên Báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn vì đây là Công ty mẹ. Theo Khoản 3.19 và 3.20 Điều 113 Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, chi tiêu này sẽ trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.474.078	271.195.237
Chi phí nhân công	8.879.052.507	8.655.168.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.701.402.527	1.881.988.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.666.590.532	3.378.251.593
Chi phí khác bằng tiền	28.299.535.773	3.931.845.975
Cộng	42.872.055.417	18.118.449.575

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Thu tiền từ đi vay

Là khoản tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh mục số V.21)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Là khoản tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh mục số V.21)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	184.181.817	142.799.999
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	102.108.251.829	102.516.911.041
Cộng	102.292.433.646	102.659.711.040

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay cá nhân và cá nhân cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017
Tiền lương	1.692.510.054	5.252.889.740
Tiền thưởng	1.089.686.087	333.958.300
Cổ tức	953.851.300	3.781.006.380
Cộng	3.736.047.441	9.367.854.420

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay cá nhân và cá nhân cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

5. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

5a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Cộng
06 tháng đầu năm 2018				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.109.060.803.552	1.462.072.443	6.389.978.460	1.116.912.854.455
Giá vốn hàng bán	1.091.145.975.954	686.806.143	617.459.676	1.092.450.241.773
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.914.827.598	775.266.300	5.772.518.784	24.462.612.682
06 tháng đầu năm 2017				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.847.433.043	1.623.911.472	7.279.181.565	1.041.750.526.080
Giá vốn hàng bán	1.014.568.775.347	700.696.620	914.844.494	1.016.184.316.461
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.278.657.696	923.214.852	6.364.337.071	25.566.209.619

5b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (xem thuyết minh số V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 96.279.000.000 VND (số đầu năm là 112.079.000.000 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỐC MÔN

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

LÊ VĂN MỸ